

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 5 năm 2018
V/v “*Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nhum

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Hồng
2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long— Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Sáu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 120/2018/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị **Phạm Thanh D**, sinh năm 1985 (có mặt)

Trú tại: Tổ 7, ấp BC, xã AL, huyện PG, tỉnh Bình Dương

- ***Bị đơn:*** Anh **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Trú tại: Tổ 1, ấp 2, xã ĐN, huyện HQ, tỉnh Bình Phước.

- ***Người giám hộ cho anh Nguyễn Thanh B:*** Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957; cùng trú tại tổ 1, ấp 2, xã ĐN, huyện HQ, tỉnh Bình Phước - là cha và mẹ của anh B (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 3 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phạm Thanh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thanh D và anh Nguyễn Thanh B sau thời gian tìm hiểu khoảng 1 năm thì tự nguyện kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương, sau đó vợ chồng chuyển về sinh sống tại tổ 1, ấp 2, xã ĐN, huyện HQ, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là sau khi anh B bị tai nạn giao thông

phải nằm một chỗ, mọi sinh hoạt phải có người giúp đỡ nên cha mẹ anh B về cùng ở với vợ chồng anh chị và cũng từ đây chị D phải lo mọi vấn đề kinh tế, mâu thuẫn giữa chị D với cha mẹ chồng về việc chăm sóc anh B, con chung của anh chị ngày càng trầm trọng nên năm 2015, chị D cùng các con chuyển về cha mẹ ruột tại tổ 7, ấp BC, xã AL, huyện PG, tỉnh Bình Dương sống cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và dễ thuận lợi trong công việc nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị Phạm Thanh D và anh Nguyễn Thanh B có hai người con chung tên Nguyễn Kim Ngọc D1, sinh ngày 05/11/2006 và Nguyễn Phạm Thanh D2, sinh ngày 20/6/2011. Khi ly hôn, chị D yêu cầu trực tiếp nuôi con chung cho đến khi trưởng thành mà không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tạo dựng được một căn nhà cấp 4 khoảng 100m² trên đất của cha mẹ chồng tại tổ 1, ấp 2, xã ĐN, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước nhưng chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết mà chị để lại cho anh B sử dụng.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 29 tháng 3 năm 2018, những người giám hộ của bị đơn Nguyễn Thanh B là ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị H thống nhất trình bày:

Ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị H thống nhất với chị Phạm Thanh D về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa chị D và anh Nguyễn Thanh B, cụ thể: Ông N và bà H là cha mẹ ruột của anh Nguyễn Thanh B. Năm 2005, anh B và chị D tự nguyện kết hôn tại thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương rồi về xã ĐN, huyện HQ, tỉnh Bình Phước sinh sống. Năm 2013, anh B bị tai nạn giao thông đập não dẫn đến bại liệt tứ chi, không nói, không nghe được nên vợ chồng ông bà phải trực tiếp chăm sóc, tháng 8/2016 chị D dọn về nhà mẹ ruột sinh sống và làm đơn xin ly hôn anh B.

Trước yêu cầu của chị D thì ông N, bà H thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh B, tạo điều kiện cho chị D được tự do và thống nhất giao hai con chung của chị D và anh B cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành mà anh B không phải cấp dưỡng nuôi con, ngược lại ông N và bà H cũng không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng cho anh B. Đối với tài sản chung và nợ chung của anh B và chị D thì ông N và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn Phạm Thanh D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị D xin được ly hôn với anh Nguyễn Thanh B và được trực tiếp nuôi hai con chung cho đến khi trưởng thành mà không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con.

- Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Anh B và chị D tự nguyện kết hôn

vào năm 2006 tại thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp về lối sống, chị D xin ly hôn và người giám hộ của anh B thống nhất cho thấy mâu thuẫn hai bên là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh B. Anh B và chị D có hai người con nhưng cả hai cháu hiện đang ở chung với chị D, anh B không có khả năng chăm sóc con cũng như nguyện vọng các cháu được ở với mẹ và tại phiên tòa chị D xác định đủ khả năng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử giao hai người con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con, đồng thời chị D cũng không phải cấp dưỡng cho anh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thanh D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh B có nơi cư trú tại tổ 1, ấp 2, xã ĐN, huyện HQ, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù bị đơn anh Nguyễn Thanh B và người giám hộ của anh B là ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông N, bà H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thanh D và ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H thống nhất vợ chồng anh B, chị D tự nguyện chung sống và kết hôn theo quy định của pháp luật, chứng cứ là giấy chứng nhận kết hôn 24 quyển số 01/2006 ngày 06/02/2006 của Ủy ban nhân dân thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì anh B bị tai nạn giao thông đập não dẫn đến liệt tứ chi, không thể nói được thì ông N, bà H phải đến cùng ở và chăm sóc anh B, từ đó mâu thuẫn giữa chị D và ông N, bà H bắt đầu phát sinh và nguyên nhân là bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như chăm sóc con cái, gia đình nên tháng 8/2016, chị D dọn về nhà cha mẹ ruột tại xã AL, huyện PG, tỉnh Bình Dương sinh sống. Nhận thấy, tuy anh B và chị D không có mâu thuẫn nhưng anh B đang được ông N, bà H trực tiếp chăm sóc mà ông N, bà H có mâu thuẫn với chị D và chị D phải dọn về nhà cha mẹ ruột ở cho thấy mâu thuẫn giữa chị D với gia đình anh B là trầm trọng, đời sống chung giữa không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị D có căn cứ được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Phạm Thanh D và ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H thống nhất vợ chồng anh B, chị D có hai người con chung tên Nguyễn Kim Ngọc D1, sinh ngày 05/11/2006 và Nguyễn Phạm Thanh D2, sinh ngày 20/6/2011, hiện cả hai cháu đang ở chung với chị D, khi ly hôn chị D, ông N và bà H thống nhất giao cả hai cháu cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành mà anh B không

phải cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy sự thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, bản thân anh B hiện không có khả năng lao động phải sống dựa vào trợ cấp xã hội và sự chăm sóc của ông N, bà H; chị D có đủ khả năng nuôi con, chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng cũng như cả hai cháu D1, D2 đều có nguyện vọng ở với mẹ nên được ghi nhận.

Anh B có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, anh B và chị D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[4]. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng: Ông N và bà H thống nhất không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng cho anh B nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Chị Phạm Thanh D và ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị Phạm Thanh D và ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H thống nhất anh B và chị D không thiếu nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thanh D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các điều 5, 35, 39, 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 53 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 19, 45, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của chị Phạm Thanh D, tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thanh D, sinh năm 1985; trú tại tổ 7, ấp BC, xã AL, huyện PG, tỉnh Bình Dương được ly hôn với anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1982; trú tại tổ 1, ấp 2, xã ĐN, huyện HQ, tỉnh Bình Phước.

Giấy chứng nhận kết hôn giấy chứng nhận kết hôn 24 quyền số 01/2006 ngày 06/02/2006 của Ủy ban nhân dân thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương không còn giá trị pháp lý.

[2]. Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Kim Ngọc D1, sinh ngày 05/11/2006 và Nguyễn Phạm Thanh D2, sinh ngày 20/6/2011 cho chị Phạm Thanh D

trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi mà anh Nguyễn Thanh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh B có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, anh B và chị D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thanh D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004531 ngày 26/01/2018.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thanh D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Thanh B, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- UBND thị trấn DT, huyện DT, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Nhum